

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG THANH LIÊM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *09* /CV-TL

Hà Nam, ngày *12* tháng *05* năm 2025

V/v tham vấn điện tử trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư nông thôn mới tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-ĐT01.21)”

Kính gửi:

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Nam;
Trung tâm Thông tin, dữ liệu và phát triển quỹ đất;

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Công ty TNHH đầu tư xây dựng Thanh Liêm đã thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư nông thôn mới tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-ĐT01.21)”.

Căn cứ quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Công ty TNHH đầu tư xây dựng Thanh Liêm gửi đến quý Cơ quan nội dung tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục VIa. Công ty TNHH đầu tư xây dựng Thanh Liêm kính đề nghị Quý Cơ quan cho phép đăng tải nội dung tham vấn gửi kèm công văn này trên trang thông tin điện tử của đơn vị để tham vấn các đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Công ty TNHH đầu tư xây dựng Thanh Liêm rất mong nhận được kết quả tham vấn để làm căn cứ tổng hợp và hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: công ty



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ
TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư nông thôn mới tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-ĐT01.21).

- Địa điểm thực hiện: Xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Nhà đầu tư: Liên danh nhà đầu tư Đức Phát – Nam Sơn (theo Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 29/04/2025 của UBND tỉnh Hà Nam).

- Tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án: Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thanh Liêm (theo Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 29/04/2025 của UBND tỉnh Hà Nam).

Đại diện: Ông Lương Quốc Đạt

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: TDP Đồi Ngang, thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư nông thôn mới tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-ĐT01.21)” thực hiện trên tổng diện tích 114.360,1m² tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Vị trí dự án, ranh giới dự án cụ thể như sau:

+ Phía Bắc: Giáp đường T1;

+ Phía Nam: Giáp đường quy hoạch rộng 17,5m (hiện trạng là đất nông nghiệp);

+ Phía Đông: Giáp đường quy hoạch rộng 36m (hiện trạng là đất nông nghiệp);

+ Phía Tây: Giáp đường quy hoạch rộng 25m (hiện trạng là đất nông nghiệp).

1.3. Công nghệ sản xuất

Do đặc thù dự án là hạ tầng kỹ thuật nên không có công nghệ sản xuất.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Đầu tư xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật bao gồm:

a. San nền

+ Vật liệu san lấp các lô đất bằng đá lẫn đất đầm chặt $K \geq 0,85$. Riêng các lô cây xanh san lấp sử dụng vật liệu bóc tầng mặt ruộng.

+ Cao độ quy hoạch: +2.60 đến +2.75. Cao độ san nền thiết kế: +2.30 đến +2.45 (thấp hơn 30 cm so với quy hoạch). Riêng các lô cây xanh san lấp bằng cao độ Quy hoạch.

b. Hệ thống đường giao thông

- Tuyến đường N1 có chiều dài khoảng $L=437,06m$, mặt cắt ngang: 5,0m (hè) + 7,5m (lòng đường) + 5,0m (hè) = 17,5m.

- Tuyến đường N2 có chiều dài khoảng $L=437,06\text{m}$, mặt cắt ngang: $5,0\text{m}$ (hè) + $7,5\text{m}$ (lòng đường) + $5,0\text{m}$ (hè) = $17,5\text{m}$.

- Tuyến đường N3 có chiều dài khoảng $L=437,06\text{m}$, mặt cắt ngang: $5,0\text{m}$ (hè) + $7,5\text{m}$ (lòng đường) + $5,0\text{m}$ (hè+taluy) = $17,5\text{m}$.

- Tuyến đường D1 có chiều dài khoảng $L=263,29\text{m}$, mặt cắt ngang: $5,0\text{m}$ (hè) + $15,0\text{m}$ (lòng đường) + $5,0\text{m}$ (hè) = $25,0\text{m}$.

- Tuyến đường D2 có chiều dài khoảng $L=144,49\text{m}$, mặt cắt ngang: $4,0\text{m}$ (hè) + $7,5\text{m}$ (lòng đường) + $4,0\text{m}$ (hè) = $15,5\text{m}$.

- Tuyến đường D3 có chiều dài khoảng $L=144,49\text{m}$, mặt cắt ngang: $4,0\text{m}$ (hè) + $7,5\text{m}$ (lòng đường) + $4,0\text{m}$ (hè) = $15,5\text{m}$.

- Tuyến đường D4 có chiều dài khoảng $L=264,32\text{m}$, mặt cắt ngang: $5,0\text{m}$ (hè) + $15,0\text{m}$ (lòng đường) + $5,0\text{m}$ (hè) = $25,0\text{m}$.

- Tuyến đường D5 có chiều dài khoảng $L=144,49\text{m}$, mặt cắt ngang: $4,0\text{m}$ (hè) + $7,5\text{m}$ (lòng đường) + $4,0\text{m}$ (hè) = $15,5\text{m}$.

- Tuyến đường D6 có chiều dài khoảng $L=144,49\text{m}$, mặt cắt ngang: $4,0\text{m}$ (hè) + $7,5\text{m}$ (lòng đường) + $4,0\text{m}$ (hè) = $15,5\text{m}$.

- Tuyến đường D7 có chiều dài khoảng $L=265,30\text{m}$, mặt cắt ngang: $5,0\text{m}$ (hè) + $8,0\text{m}$ (lòng đường) + $2,5\text{m}$ (lề đất + taluy) = $15,5\text{m}$.

** Ghi chú :*

- Các tuyến đường N3, tuyến đường D7 phía giáp ranh thực hiện đắp một phần nền hè đường và đắp mái taluy 1:m(1-1,5) đến ranh giới dự án.

- Đối với tuyến đường D1, D7 kết cấu loại 1 đảm bảo $Ey/c \geq 140\text{Mpa}$ (từ trên xuống) gồm:

+ Lớp bê tông nhựa C16 dày 5cm ;

+ Tưới nhựa thấm bảm $0,5\text{kg/m}^2$;

+ Lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm ;

+ Tưới nhựa thấm bảm $1,0\text{kg/m}^2$;

+ Lớp móng trên cấp phối đá dăm loại I dày 18cm ;

+ Lớp móng trên cấp phối đá dăm loại II dày 30cm ;

+ Lớp đá lẫn đất đầm chặt K98 dày 50cm ;

+ Nền đường đá lẫn đất đầm chặt $K \geq 95$ (xử lý nền đạt yêu cầu trước khi đắp).

- Đối với các tuyến đường còn lại kết cấu 2 đảm bảo $Ey/c \geq 120\text{Mpa}$ (từ trên xuống) gồm:

+ Lớp bê tông nhựa C16 dày 7cm ;

+ Tưới nhựa thấm bảm $1,0\text{kg/m}^2$;

+ Lớp móng trên cấp phối đá dăm loại I dày 18cm ;

+ Lớp móng trên cấp phối đá dăm loại II dày 25cm ;

+ Lớp đá lẫn đất đầm chặt K98 dày 50cm ;

+ Nền đường đá lẫn đất đầm chặt $K \geq 95$ (xử lý nền đạt yêu cầu trước khi đắp).

- Bó vỉa, đan rãnh: Bó vỉa bê tông đúc sẵn mác 200, kích thước loại I: 30x18x100cm; loại II 30x18x50cm; đan rãnh bê tông đúc sẵn mác 200, kích thước 50x30x5cm. Bó vỉa, đan rãnh đặt trên lớp bê tông lót, dày 10cm.

- Kết cấu hè: Hè đường đổ bê tông đá 2x4 mác 150 dày 10cm; Nền đắp đá lán đất đầm chặt $K \geq 95$; Lát vỉa hè gạch Terrazzo dày 3,5cm;

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật sau lô (từ trên xuống dưới): Mặt đổ bê tông xi măng M200, đá 2x4, dày 15cm; giấy dầu chống mất nước; lớp cát đen tạo phẳng dày 5cm; lớp đá lán đất đầm chặt K95 dày 30cm.

Chỉ tiêu kỹ thuật của các tuyến đường:

Độ dốc ngang mặt đường $i = 2,0\%$;

Độ dốc ngang vỉa hè $i = 1,5\%$;

Tải trọng trục tính toán HL93.

c. Hệ thống thoát nước mưa

+ Hướng thoát nước: Từ phía Bắc xuống phía Nam, từ Tây sang Đông, nước mưa được thu dọc các tuyến đường nội bộ, thoát ra hệ thống kênh tưới tiêu KB6-4.

+ Hệ thống công thoát nước mưa trong khu thiết kế riêng hoàn toàn với hệ thống công thoát nước thải, theo nguyên tắc chế độ tự chảy, dốc dọc tối thiểu $i=1/d$.

+ Hệ thống công thoát nước mưa sử dụng cống tròn BTCT. Cống thu nước qua đường sử dụng cống D300 HL93, Cống thoát nước đặt trên vỉa hè kích thước từ D400 đến D1500.

d. Hệ thống thoát nước thải

- Hướng thoát nước: Từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông, nước thải sau khi được xử lý sơ bộ từ các hộ dân được thu gom bằng hệ thống cống riêng HDPE D250; D300 bố trí trên vỉa hè sau đó đưa về trạm bơm chuyển bậc phía Đông Nam dự án để chuyển về trạm xử lý nước thải tạm thời tại lô cây xanh. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn theo QCVN 14-MT:2008/BTNMT cột A được xả ra kênh KB6-4.

- Mạng lưới thoát nước thải được bố trí trên vỉa hè, trong hành lang kỹ thuật sau các lô đất, vật liệu sử dụng ống HDPE đường kính D250; D300.

- Hệ thống hố ga thiết kế dọc theo cống, khoảng cách trung bình 25-50m/ga.

e. Hệ thống cấp nước sạch và cứu hỏa

Nguồn cấp nước: từ nhà máy nước sạch Đồng Tâm đầu nối từ đường ống cấp nước DN110 nằm trên đường T1 phía Bắc dự án.

-Mạng lưới cấp: Sử dụng mạng vòng kết hợp nhánh cụt,

-Loại ống sử dụng: ống nhựa HDPE $\Phi 110$, $\Phi 50$ áp lực làm việc tối đa 10bar; đoạn qua đường sử dụng ống lồng thép,

-Cấp nước cứu hỏa: Bố trí các trụ cứu hỏa trên các tuyến ống cấp có đường kính $\Phi 110$ với khoảng cách trung bình khoảng 120m/trụ, Vị trí trụ cứu hỏa ưu tiên đặt tại những vị trí thuận tiện đường giao thông, tập trung các khu vực dân cư, đơn vị và các cơ sở sản xuất và thuận tiện cho xe chữa cháy lấy nước khi có cháy.

f. Hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng

Theo tính toán và để đảm bảo hiệu quả sử dụng sẽ xây dựng mới 03 TBA kiot có công suất là TBA T1– 2x400kVA-35(22)/0,4kV; TBA T2 – 1x400kVA-35(22)/0,4kV; TBA T3 – 1x400kVA-35(22)/0,4kV. Tổng công suất lựa chọn cả dự án là 1600kVA.

- Xây dựng đường dây 35kV cáp ngầm mới cấp điện đến các trạm biến áp;
- Xây dựng mới 03 trạm biến áp kiểu kios có công suất lần lượt là: T1 – 2x400kVA-35(22)/0,4kV đặt tại lô cây xanh CX1; T2 – 1x400kVA-35(22)/0,4kV đặt tại lô cây xanh CX-MN; T3 – 1x400kVA-35(22)/0,4kV đặt tại lô cây xanh CX-MN.

- Xây dựng đường dây cáp ngầm 0,4kV từ sau các TBA đến các tủ bao gom công tơ cấp điện cho các lô đất ở.

- Xây dựng đường điện chiếu sáng cho các tuyến đường và đèn trang trí tại các lô công viên cây xanh.

g. Hệ thống thông tin liên lạc

- Nguồn cấp: dự kiến đấu nối cáp viễn thông từ trạm viễn thông huyện Thanh Liêm.

Cáp tín hiệu sử dụng cáp quang trực phân phối đến các thuê bao. Toàn bộ cáp được luồn trong ống bảo vệ chôn trực tiếp trong đất ở độ sâu 0,7m đối với dưới đường và 0,5m đối với ống trên hè. Hệ thống thông tin trục chính và các trục nhánh sẽ sử dụng cáp quang truyền dẫn.

Hệ thống hố ga kéo cáp được đặt với khoảng cách trung bình là 60-100m và những vị trí tuyến ống đổi hướng. Khi tuyến cáp đi qua đường được sử dụng ống lồng thép để đảm bảo không bị đứt cáp.

Kết cấu hố ga kéo cáp: Tường xây gạch xi măng cốt liệu, vữa xi măng mác 75#. Đáy ga BT đá 1x2, mác 200#, đệm đá dăm 4x6.

Tất cả các thiết bị viễn thông được cung cấp đồng bộ theo tiêu chuẩn quốc tế do các ISP lớn trong nước như Tập đoàn Viễn thông Việt Nam VNPT, Viettel, FPT, EVN...cung cấp và lắp đặt.

1.4.2. Xây dựng công trình kiến trúc

Đầu tư xây dựng nhà ở liền kề.

a. Quy mô:

Đầu tư xây dựng 103 căn nhà ở với tổng diện tích đất khoảng 12.176,2m²; bao gồm 53 căn nhà ở liền kề mặt phố dọc tuyến đường T1, diện tích đất khoảng 6.000,9 m² và 50 căn nhà ở liền kề mặt đường D1 (rộng 25,0m), mặt đường D7 (rộng 36,0m), diện tích đất khoảng 6.175,3m². Mật độ xây dựng 90%. Tầng cao: 4 tầng + 1 tum.

b. Phương án xây dựng.

- Phần kiến trúc: Công trình nhà liền kề mặt phố được đầu tư xây dựng đồng bộ, nhằm hình thành tuyến phố đồng bộ về kiến trúc và tạo cảnh quan cho đô thị.

- Nhà được thiết kế 4 tầng, kích thước nhà của lô điển hình 6,0m x 15,0m, chiều cao đỉnh 17,4m trong đó tầng 1 cao 3,9m, tầng 2,3 cao 3,6m, tầng 4 cao 3,3m, tum 3,0m.

- Hệ thống cửa đi xung quanh bên ngoài bằng cửa nhôm kính.

- Mái đổ bê tông cốt thép chéo vát gắn ngói trang trí, Nội thất trần thạch cao.

Tường sơn màu, cột ốp trang trí sơn màu trắng và ghi nhạ.

- Phần Kết cấu: Nhà thiết kế hệ khung bê tông cốt thép chịu lực, Tường xây gạch 220cm, bậc tam cấp ốp đá granite tự nhiên.

- Móng thiết kế móng cọc bê tông cốt thép chịu lực, bê tông đài móng mác 300#; cọc bê tông đúc sẵn.

- Hệ thống cấp, thoát nước, điện, điều hòa, thông gió, chiếu sáng... được thiết kế đồng bộ.

Đầu tư xây dựng trường mầm non.

a. Quy mô:

- Đất nhà trẻ phục vụ cho nhóm nhà ở. Diện tích khu đất 2.763,9 m². Mật độ xây dựng 40%; Tầng cao xây dựng 02 tầng; Chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 5m so với các cạnh của thửa đất. Sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng, nhà đầu tư quản lý, vận hành, khai thác, kinh doanh theo quy định.

b. Phương án xây dựng.

- Diện tích trường mầm non khu ở phục vụ cho nhóm nhà ở. Diện tích khu đất 2.763,9 m². Mật độ xây dựng 40%; Tầng cao xây dựng 02 tầng.

- Bao gồm các hạng mục nhà lớp học 02 tầng, nhà bếp, bể nước, sân đường giao thông nội bộ, cây xanh cảnh quan.

- Phần kiến trúc: Nhà lớp học 02 tầng chia thành 4 phòng học mỗi tầng, các phòng học được bố trí khép kín có khu vệ sinh và kho bên trong mỗi phòng học, với diện tích phù hợp đáp ứng nhu cầu sử dụng của dân cư khu vực. Nhà thiết kế 02 tầng, chiều cao đến đỉnh mái 7,5m trong đó tầng 1 là 3,9m, tầng 2 là 3,6m. Nền nhà lát gạch Ceramic, khu vệ sinh lát gạch trống trơn, thiết bị vệ sinh sứ tráng men. Tường sơn bả màu, cột sảnh và cột hành lang ốp trang trí, sơn màu ghi nhạ. Tường xây gạch xi măng cốt liệu mác 100, trát vữa xi măng mác 75. Nhà bếp được phân chia rõ ràng các khu chế biến, khu bếp nấu và nhà kho trữ thực phẩm. đầy đủ công năng đáp ứng đủ nhu cầu của học sinh tại trường. Nhà thiết kế 1 tầng, chiều cao đến đỉnh mái 3,00m. Nền nhà lát gạch Ceramic, Tường xây gạch xi măng cốt liệu mác 100, trát vữa xi măng mác 75

- Phần kết cấu: Phương án kết cấu móng dự kiến móng băng bê tông cốt thép, đệm cát gia cố cọc tre. Phần thân sử dụng kết cấu khung bê tông cốt thép chịu lực; cột, dầm, sàn mái bê tông cốt thép đổ toàn khối, mái chống nóng sử dụng hệ vì kèo thép lợp tôn cách nhiệt.

- Bể chứa nước: tường bể xây gạch xi măng cốt liệu, nền đổ bê tông cốt thép, láng chống thấm.

- Hệ thống cấp, thoát nước, điện, điều hòa, thông gió, chiếu sáng... được thiết kế đồng bộ

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 2 vụ trở lên, diện tích khoảng 94.798m².

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:

- Vị trí dự án cụ thể như sau: Vị trí thuộc lô đất OM-13 theo điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm, cụ thể như sau:

+ Phía Bắc: Giáp đường T1;

+ Phía Nam: Giáp đường quy hoạch rộng 17,5m (hiện trạng là đất nông nghiệp);

+ Phía Đông: Giáp đường quy hoạch rộng 36m (hiện trạng là đất nông nghiệp);

+ Phía Tây: Giáp đường quy hoạch rộng 25m (hiện trạng là đất nông nghiệp).

- Hiện trạng sử dụng đất của dự án: Tổng diện tích dự án khoảng 114.360,1m² trong đó bao gồm: 94.798m² đất trồng lúa; 291m² đất ở nông thôn; 252m² đất trồng cây lâu năm; 678m² đất bằng trồng cây hàng năm khác; 679m² đất nuôi trồng thủy sản; 1.626m² đất mặt nước chuyên dùng; 6.896 m² đất thủy lợi và 9.140m² đất giao thông.

- Mô tả mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh:

+ Khu vực lập dự án nằm trên vị trí trục kinh tế T1 của tỉnh Hà Nam, cách T.P Phủ Lý 10km về phía bắc theo quốc lộ 1A.

+ Tiếp giáp phía Tây dự án là dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư nông thôn tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-DT04.21)” đang triển khai thực hiện song song với dự án này. Hai khu dân cư có sự kết nối về hệ thống hạ tầng kỹ thuật như kết nối giao thông, kết nối hệ thống thu gom nước mưa, nước thải,...; cách dự án khoảng 200m phía Bắc dự án là khu đô thị Hưng Hòa; khu đầu giá Thanh Phong, Thanh Hà.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:

2.2.1. Các tác động liên quan đến chất thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Bụi và khí thải do các phương tiện vận tải vận chuyển vật liệu thi công.

- Bụi phát sinh từ quá trình san lấp tạo mặt bằng tại công trường.

- Bụi phát sinh do gió cuốn

- Bụi và khí thải do các máy công tác hoạt động tại công trường

- Bụi và khí thải từ các quá trình thi công xây dựng: hàn cắt sắt thép.

- Nước mưa chảy tràn

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân tại công trường thi công

- Nước thải rửa xe

- Rác thải sinh hoạt của công nhân

- Chất thải từ quá trình xây dựng

b) Giai đoạn hoạt động

- Bụi và khí thải (SO₂, CO, NO₂, VOCs...) phát sinh từ hoạt động giao thông đi lại của người dân, từ hoạt động xây dựng, sửa chữa, cải tạo nhà ở của người dân, từ hệ thống điều hòa, khí thải và mùi từ hoạt động nấu ăn hàng ngày của dân cư.

- Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn.

- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại từ hoạt động sinh hoạt của dân cư trong khu vực dự án.

2.2.2. Các tác động không liên quan đến chất thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Tác động do tiếng ồn, độ rung.
- Tác động đến giao thông khu vực
- Tác động đến kinh tế - xã hội
- Sự cố môi trường có thể xảy ra của dự án: sự cố về máy móc thiết bị; sự cố cháy, nổ; sự cố về sét đánh ; sự cố về lũ lụt; tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

b) Giai đoạn hoạt động

- Tác động của tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện giao thông; hoạt động xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà dân và các hoạt động sinh hoạt khác của nhân dân,...

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

2.3.1. Các công trình và biện pháp giai đoạn xây dựng

a) Hệ thống thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:
 - + Sử dụng nhà vệ sinh di động dạng container (01 container 20 feet có 4 phòng) để quản lý và thu gom lượng nước thải sinh hoạt phát sinh.
 - + Định kỳ 3 lần/tuần sẽ thuê đơn vị chuyên trách đến thu gom và mang các loại chất thải của nhà vệ sinh di động đi xử lý theo quy định.
- Nước thải rửa xe:
 - + Xây dựng 01 bể xử lý nước thải rửa xe chia làm 04 ngăn (*ngăn gom, ngăn tách váng dầu, ngăn lắng cặn và ngăn chứa tái sử dụng*) có kích thước dài x rộng x cao = 2,89 x 0,72 (1,0) x 2,0 (m) để lắng đất, cát và xử lý váng dầu. Nước sau xử lý được lưu chứa tại ngăn chứa tái sử dụng khoảng 2,0m³, được tận dụng rửa xe không xả thải trực tiếp ra môi trường xung quanh khu vực dự án

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ chất thải rắn

- Chất thải rắn xây dựng:
 - + Chất thải rắn xây dựng của dự án được thực hiện tuân thủ theo Quyết định 19/2023/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ban hành quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo quy định của pháp luật.

- Rác thải sinh hoạt

Các loại chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng trên công trường được thu gom chứa vào các thùng chứa rác. Đơn vị thi công bố trí 02 thùng đựng rác dung tích 120 lít/thùng chứa rác thải sinh hoạt. Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom và mang đi xử lý (vào cuối giờ chiều hàng ngày).

- Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại từ quá trình thi công xây dựng bao gồm dầu mỡ thải, vỏ hộp sơn, cặn sơn, bóng đèn hỏng, vỏ can, thùng dính dầu mỡ, giẻ lau nhiễm dầu mỡ, dầu

mẫu que hàn,... sẽ được phân loại, thu gom vào 05 thùng chứa chuyên dụng, dung tích 50 lít/thùng có nắp đậy, CTNH sau đó được chứa vào nhà container (container 10feet) được bố trí trên công trường. Chất thải nguy hại này sẽ được chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có tư cách pháp nhân đưa đi xử lý.

2.3.2. Các công trình và biện pháp giai đoạn hoạt động

a) Hệ thống thu gom và xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn

c. Hệ thống thoát nước mưa

+ Hướng thoát nước: Từ phía Bắc xuống phía Nam, từ Tây sang Đông, nước mưa được thu dọc các tuyến đường nội bộ, thoát ra hệ thống kênh tưới tiêu KB6-4.

+ Hệ thống công thoát nước mưa trong khu thiết kế riêng hoàn toàn với hệ thống công thoát nước thải, theo nguyên tắc chế độ tự chảy, dốc dọc tối thiểu $i=1/d$.

+ Hệ thống công thoát nước mưa sử dụng công tròn BTCT. Công thu nước qua đường sử dụng công D300 HL93, Công thoát nước đặt trên vỉa hè kích thước từ D400 đến D1500.

- Nước thải sinh hoạt

+ Hướng thoát nước: Từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông, nước thải sau khi được xử lý sơ bộ từ các hộ dân được thu gom bằng hệ thống công riêng HDPE D250; D300 bố trí trên vỉa hè sau đó đưa về trạm bơm chuyên bậc phía Đông Nam dự án để chuyển về trạm xử lý nước thải tạm thời tại lô cây xanh. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn theo QCVN 14-MT:2008/BTNMT cột A được xả ra kênh KB6-4.

+ Mạng lưới thoát nước thải được bố trí trên vỉa hè, trong hành lang kỹ thuật sau các lô đất, vật liệu sử dụng ống HDPE đường kính D300.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn

- Chất thải sinh hoạt: Các hộ gia đình chịu trách nhiệm tự phân loại tại hộ, sau đó được thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại: Các loại chất thải nguy hại được lưu giữ tại các hộ gia đình và đưa về nơi tập kết chung của xã hoặc khu dân cư tập trung theo thôn, xóm khi hình thành khu thu gom, lưu giữ rác thải sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.4.1. Chương trình quản lý môi trường của dự án giai đoạn xây dựng

a. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Giám sát khối lượng, chủng loại phát sinh và công tác quản lý, thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển chất thải.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Quy định giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số

05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b. Giám sát các vấn đề môi trường khác

- Vị trí giám sát: Khu vực Dự án, tuyến đường chính vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công xây dựng.

- Nội dung cần giám sát: Công tác dọn dẹp mặt bằng thi công hàng ngày, công tác tưới nước giảm thiểu bụi; công tác vận chuyển nguyên vật liệu; công tác thu gom, xử lý nước thải rửa xe; hoạt động thu gom nước thải sinh hoạt; hoạt động tiêu thoát nước mưa.

- Tần suất thực hiện: Thường xuyên.

2.4.2. Chương trình quản lý môi trường của dự án giai đoạn hoạt động

a. Giám sát vận hành thử nghiệm

Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý như sau:

- Vị trí giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm: 01 mẫu nước thải sinh hoạt trước hệ thống xử lý; 01 mẫu nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý.

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng nước thải, pH, BOD₅, TSS, NO₃⁻, NH₄⁺, PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật, Coliform, Sunfua, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng chất rắn hòa tan.

- Tần suất giám sát:

+ Thời gian, tần suất thực hiện quan trắc: Thực hiện quan trắc theo quy định tại khoản 5 Điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT; được sửa đổi bổ sung tại điểm c, khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 (Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định).

- Quy chuẩn so sánh: cột A, k=1,0, QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

b. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Giám sát khối lượng, chủng loại phát sinh và công tác quản lý, thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển chất thải.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Quy định giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022

của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

c. Giám sát và cảnh báo các rủi ro, sự cố

- Vị trí giám sát: Khu vực Dự án

- Vấn đề cần giám sát:

+ Tình trạng hoạt động của các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trong khu vực dự án.

+ Tình hình thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ môi trường của dự án.

+ Các rủi ro về cháy nổ, sét đánh,...

- Tần suất thực hiện: Thường xuyên.

2.5. Các nội dung khác

Dự án không thuộc đối tượng phải có phương án cải tạo phục hồi môi trường.

3. Cam kết của Chủ dự án

Chủ dự án cam kết thực hiện các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về Bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai và thực hiện dự án:

- Cam kết thực hiện đúng theo các quy định tại Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu của dự án đến môi trường trong giai đoạn xây dựng, hoạt động của dự án.

- Cam kết xe vận chuyển vật liệu chở đúng trọng tải, che chắn đầy đủ, thời gian hợp lý; thường xuyên quét dọn, phun nước giảm bụi trên đường vận chuyển, duy tu bảo dưỡng và hoàn trả đường vận chuyển nếu xảy ra tình trạng hỏng hóc.

- Cam kết chịu trách nhiệm đối với hệ thống hạ tầng hiện trạng và các khu vực dân cư trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ dự án.

- Cam kết công khai nội dung Báo cáo Đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt ở UBND xã Thanh Phong để giám sát công tác tuân thủ các cam kết bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.



LƯƠNG QUỐC DAT 10

Ghi chú: Báo cáo ĐTM được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phong từ ngày.....tháng.....năm.....